

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HS-PT

Ngày 25-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

*Các thẩm phán:* Ông Trần Xuân Bằng.

Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đ4 diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người Đ4 diện hợp pháp của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 70/2020/HSST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thái Bình.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

1. **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn MK, xã CL, huyện HH, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1952; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1981 và 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/6/2019, đến ngày 27/6/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

2. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn TD, xã HB, huyện HH, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1940 và bà Dương Thị P, sinh năm 1948; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 và 04

con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/6/2019 đến ngày 27/6/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

*\* Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ:* Luật sư Lê Văn Đ2 và luật sư Trần Văn T1 - Văn phòng luật sư Khánh Hưng, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

*\* Người Đ4 diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:*

Chị **Trần Thị L** - Sinh năm 1986 (con ông P).

Nơi cư trú: thôn MT, xã TĐ, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người Đ4 diện hợp pháp của bị hại:* Các luật sư Hà Trọng Đ3, Tạ Đức T5 và Nguyễn Văn H - Công ty luật hợp danh The Light, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Nguyễn Thị M1** - Sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn MK, xã CL, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

*\* Người làm chứng:*

1. Cháu **Nguyễn Văn L** - Sinh ngày 02/01/2007.

Người Đ4 diện hợp pháp cho cháu L: Chị **Nguyễn Thị M1** - Sinh năm 1981 (mẹ đẻ cháu L).

Đều cư trú tại: thôn MK, xã CL, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

2. Cháu **Nguyễn Thành Đ3** - Sinh ngày 11/9/2010.

Người Đ4 diện hợp pháp cho cháu Đ3: Anh **Nguyễn Văn H2** - Sinh năm 1982 (bố đẻ cháu Đ3).

Đều cư trú: Thôn NT, xã TN, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

3. Cháu **Phạm Thị Thanh H3** - Sinh ngày 30/11/2007.

Người Đ4 diện hợp pháp cho cháu H3: Anh **Phạm Đình T4** - Sinh năm 1967 (Bố đẻ cháu H3).

4. Cháu **Phạm Thị Hải Y** - Sinh ngày 25/6/2007.

Người Đ4 diện hợp pháp cho cháu Y: Anh **Phạm Văn V** - Sinh năm 1968 (bố đẻ cháu Y).

5. Cháu **Phạm Tuấn A** - Sinh ngày 27/12/2008.

Người Đ4 diện hợp pháp cho cháu A: Anh **Phạm Đình Kinh** - Sinh năm 1971 (Bố đẻ cháu A).

6. Ông **Nguyễn Trọng Đ4** - Sinh năm 1940

7. Ông **Trần Đăng Th** - Sinh năm 1965.

8. Anh **Trần T5** - Sinh năm 1993.

9. Bà **Phạm Thị B** - Sinh năm 1948.

10. Ông **Trần Đăng N3** - Sinh năm 1966.

11. Chị **Phạm Thị H4** - Sinh năm 1972.

12. Bà **Nguyễn Thị D** - Sinh năm 1969.

13. Anh **Phạm Đình T4** - Sinh năm 1967.

14. Chị **Hoàng Thị S** - Sinh năm 1971.

15. Ông **Lâm Hồng U** - Sinh năm 1960.

16. Ông **Phạm Văn CH** - Sinh năm 1966.

Đều cư trú tại: thôn TD, xã HB, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

17. Ông **Trần Đăng V** - Sinh năm 1969.

Nơi cư trú: thôn MT, xã HB, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

*(Có mặt bị cáo B, bị cáo D, luật sư Toàn, luật sư Đ3, chị L, chị M1, ông Th, ông U; Vắng mặt luật sư Đ2, luật sư T, luật sư H, cháu L, cháu Đ3, anh H2, cháu H3, anh T4, cháu Y, anh V, cháu Tuấn Anh, anh Kinh, ông Đ4, anh T5, bà B, ông N3, chị H4, bà D, anh T4, chị S, ông CH, ông V)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Do trước đó ông Trần Đăng P cho rằng bà Dương Thị Phương (là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn Đ) ở cùng thôn nghi ngờ ông P lấy xe đạp của bà Phương nên sáng ngày 17/6/2019 ông P đến cổng nhà ông Nguyễn Trọng Đ4 (là chồng bà Phương) chửi bới và ném gạch vào nhà ông Đ4, sự việc đã được công an xã HB giải quyết hòa giải. Đến khoảng 11 giờ ngày 18/6/2019 ông P tiếp tục đi xe đạp một mình đến cổng nhà ông Đ4 chửi bới. Lúc này trong nhà ông Đ4 có bị cáo Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Trọng Đ4, cháu Nguyễn Văn L (cháu ngoại ông Đ4) và ông Trần Đăng V đang ngồi ăn cơm, uống rượu. Thấy ông P chửi cháu L gọi điện cho bố đẻ là Nguyễn Văn B nói “Bố sang đây, ông P đang chửi”, bị cáo B lấy xe máy đi sang nhà ông Đ4 (bị cáo B là con rể ông Đ4). Khi đến thấy ông P đang đứng chửi ở khu vực cổng nhà ông Đ4, bị cáo B mở cổng đi vào trong nhà thấy gia đình đang ăn cơm nên ngồi ăn cơm uống rượu cùng. Sau khi ăn cơm xong, ông Đ4 đi ngủ còn cháu L đi vào buồng chơi game. Khoảng 15 phút sau, khi bị cáo Đ, bị cáo B và ông V đang ngồi ăn cơm thì ông P đi vào trong nhà ông Đ4, ông V mời ông P uống rượu cùng. Khoảng 10 phút sau ông V đi về chỉ còn lại bị cáo Đ, bị cáo

B và ông P. Trong khi uống rượu đã xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau và bị cáo B dùng tay đẩy ông P ra ngoài sân. Lúc này bị cáo B đứng ở cửa nhà còn ông P đang đứng ở sát tường cách khoảng 2m chửi ông Đ4, bị cáo Đ đi đến, khi hai người đứng đối diện nhau bị cáo Đ dùng tay trái đâm một cái trúng vào má bên phải và dùng tay phải đâm trúng vào phía dưới tai trái ông P làm phần đầu phía sau bên phải và lưng ông P đập vào tường nhà và ông P khuỵu chân ngồi bệt xuống nền sân, không nói gì nữa sau đó bị cáo Đ đi vào trong nhà. Ông P tiếp tục chửi, bị cáo B liền đi đến chỗ ông P đẩy ông P ra phía bếp đồng thời dùng tay phải đâm vào vùng ngực, dùng tay trái đâm vào đầu ông P và dùng hai tay đẩy vào vùng ngực ông P làm ông P ngã ngửa ra phía sau đập đầu xuống nền gạch. Lúc này bị cáo Đ nghe thấy tiếng “huých” đi ra thấy ông P đang nằm ngửa ở trên nền gạch trước cửa bếp, bị cáo lấy giấy ướt lau mặt cho ông P, ông P dùng tay gạt ra và nói “*chúng mày đánh chết tao à*”, khi đó mắt ông vẫn lim dim và tay vẫn cử động. Do vết thương kín không chảy máu nên các bị cáo cho rằng ông P chỉ bị thương nhẹ, do ông say rượu nằm ăn vạ nên bị cáo B bảo bị cáo Đ khiêng ông P ra để ở vệ đường gần nhà chị Hoàng Thị S. Đến khoảng 12h 40 phút anh Trần T5 điều khiển xe ô tô khách chở ông Trần Đăng Th đi qua nhà chị S thấy ông P nằm ở vệ đường nên dừng xe rồi cùng ông Th khiêng ông P vào nằm ở trước cửa quán tạp hóa nhà chị S. Đến khoảng 13h 30 phút cùng ngày ông P được vợ là bà Nguyễn Thị Xây đưa về nhà và được gia đình đưa đi bệnh viện đa khoa huyện HH cấp cứu sau đó chuyển lên bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình điều trị. Ngày 19/6/2019 ông P chết.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 111/PY/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình ngày 25/6/2019 kết luận nguyên nhân tử vong của ông Trần Đăng P như sau: đa chấn thương vùng đầu, mặt và ngực do vật tày tác động và tác động với vật tày cứng làm vỡ xương sọ vùng chẩm gây tụ máu dưới màng cứng toàn bộ bán cầu phải và vùng trán, tụ máu tiểu não phải. Nguyên nhân chết do chấn thương sọ não.

Công văn số 143 ngày 22/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình xác định: theo B bản khám nghiệm tử thi bên ngoài trên người ông Trần Đăng P có 06 vết. Trong đó có 01 vết xây xước da, sưng nề bầm máu ở vùng chẩm bên trái (vết số 4) này do tác động với vật tày cứng gây vỡ xương sọ vùng chẩm - thái dương (vật tày cứng ví dụ như nền gạch, bê tông...). Các vết thương còn lại (vết 1,2,3,5,6) do vật tày dạng có đàn hồi tác động, ví dụ như nắm đấm tay, chân, gậy cao su, dép nhựa...

**\* Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2020/HS-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thái Bình quyết định:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

**2. Về hình phạt:** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn B mỗi bị cáo 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 19/6/2019.

**3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:** Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 591 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội Đ Thẩm P TAND tối cao hướng dẫn áp dụng về bồi thường thiệt hại ngoài hợp Đ.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị X, anh Trần Đăng Đ, chị Trần Thị T (L), Trần Thị L, chị Trần Thị L và chị Trần Thị L các khoản chi phí chữa thương tích, tiền mai táng phí cho ông Trần Đăng P và tiền công chăm sóc ông P trong thời gian nằm viện và tiền bồi thường tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 130.812.300 Đ. Gia đình các bị cáo đã nộp bồi thường thay cho các bị cáo số tiền là 120.000.000 Đ (trong đó Đ4 diện bị hại đã nhận số tiền 70.000.000 Đ, gia đình các bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HH số tiền 50.000.000 Đ). Các bị cáo còn phải liên đới bồi thường số tiền là 10.812.300 Đ, chia kỷ phần mỗi bị cáo là 5.406.150 Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/8/2020, bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 27/8/2020, bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 20/8/2020 người Đ4 diện hợp pháp của bị hại - chị Trần Thị L kháng cáo với nội dung, việc cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, khách quan, toàn diện dẫn đến tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” là không đúng sự thật khách quan của vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Giết người*” theo Điều 123 Bộ luật Hình sự. Mức bồi thường về dân sự Tòa án buộc các bị cáo bồi thường cho gia đình chị là quá thấp không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại theo quy định tại khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

\* Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Do bức xúc bị ông P chửi bới, xúc phạm bố mẹ, ông bà tổ tiên gia đình bị cáo nên bị cáo Đ đã đánh ông P trước rồi đến bị cáo B đánh ông P sau làm ông P ngã ngửa về đằng sau đập đầu xuống xuống nền sân bê tông, các bị cáo không có ý thức tước đoạt tính mạng của ông P, khi ông P ngất đi các bị cáo nghĩ

ông P say rượu nằm ăn vạ nên khênh ông P để ra công mục đích khi ông P tỉnh rượu rồi đi về nhà không chửi gia đình các bị cáo nữa, các bị cáo không có ý thức bỏ mặc hậu quả xảy ra, việc ông P chết nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo. Đến nay các bị cáo thành thật xin lỗi gia đình bị hại và mong được tha thứ. Đề nghị Hội Đ xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh dẫn đến việc các bị cáo phạm tội do lỗi của ông P, nhân thân của các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

\* Đ4 diện gia đình bị hại chị Trần Thị L và luật sư trình bày:

+ Về tội danh: Án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là chưa đúng vì các bị cáo tấn công bị hại vào những điểm trọng yếu, vào ngực, vào đầu và cố tình tước đoạt mạng sống của bị hại.

+ Về dân sự: Án sơ thẩm quyết định tiền tổn thất tinh thần cho 6 người gồm vợ, con của bị hại với số tiền 90.000.000 Đ là chưa phù hợp. Nay gia đình yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần mức cao N3 là 149.000.000 Đ nên các bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 59.000.000 Đ.

+ Về hình phạt: Không có ý kiến đề nghị gì.

\* Những người làm chứng có mặt tại phiên toà xác định không trực tiếp chứng kiến sự việc các bị cáo đánh ông P, tuy nhiên ông P có hành vi chửi bới, ném gạch vào gia đình ông Đ4 (bố bị cáo Đ) đã được chính quyền địa phương phải can thiệp giải quyết, khi phát hiện ông P nằm ở lề đường mọi người đều nghĩ ông P bị say rượu nằm đó lúc nào tỉnh dậy sẽ về nhà không nghĩ ông P bị đánh, giết chết.

\* Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Giữa bị hại ông Trần Đăng P và gia đình các bị cáo có mâu thuẫn nhưng không căng thẳng đến mức độ các bị cáo phải giết chết ông P. Các bị cáo không tấn công quyết liệt bị hại và không có ý thức tước đoạt sinh mạng bị hại mà mục đích chỉ đánh cảnh cáo ông P, việc ông P chết nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo nên hành vi của các bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”. Về mức bồi thường, Toà án cấp sơ thẩm xem xét buộc các bị cáo bồi thường các khoản tiền cho gia đình bị hại là phù hợp nên yêu cầu tăng tiền bồi thường tổn thất về tinh thần của gia đình bị hại không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và Đ4 diện gia đình bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

\* Luật sư bào chữa cho các bị cáo: N3 trí với quan điểm của Viện kiểm sát lập luận đối với kháng cáo của Đ4 diện bị hại về tội danh và mức bồi thường dân sự, tuy nhiên mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo là quá cao. Xét quá trình phạm tội của các bị cáo thấy, trước đó bà Phương (mẹ bị cáo Đ) không có ý thức đổ cho ông P lấy trộm xe nhưng ngày 17/6/2020 ông P đã đến gia đình bị cáo chửi

bới và có hành vi gây rối trật tự công cộng, Công an xã đã phải báo cáo hành vi của ông P lên Công an huyện. Tuy nhiên, ngày 18/6/2020 có rất nhiều người làm chứng khai thấy ông P tiếp tục đến gia đình bị cáo chửi bới ông bà, bố mẹ dẫn đến các bị cáo phạm tội với ông P trong trạng thái tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo bột phát, kích động về tinh thần nên đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ *“Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra”* quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức án thấp N3 của khung hình phạt là 05 năm tù.

\* Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người Đ4 diện hợp pháp của bị hại tranh luận:

+ Đối với quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Không có tài liệu nào thể hiện ông P gây rối trật tự công cộng mà Ủy ban xã phải giáo dục, chỉ có văn bản hoà giải giữa hai bên nên luật sư trích lục nhiều lời khai của người làm chứng thể hiện ông P chửi bới gia đình bị cáo là không khách quan.

+ Đối với quan điểm của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên cho rằng bị hại có lỗi nhưng trong suốt quá trình điều tra không có tài liệu nào kết luận ông P là người có lỗi trước. Ông P bị đánh ngất đi thì bị cáo Đ chủ động lấy khăn ướt lau mặt mục đích để ông P tỉnh lại rồi các bị cáo cùng khênh ông P để ra trời nắng bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Sau khi về nhà bị cáo B còn gọi điện thoại cho bị cáo Đ hỏi ông P có làm sao không và dặn có ai hỏi thì nói ông P bị say rượu nên viện kiểm sát nhận định các bị cáo không có ý thức bỏ mặc ông P, cái chết của ông P nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo là không đúng. Sau khi đánh ông P, bị cáo B bị thương tích ở tay và đi viện khám chiếu chụp ngay trong khi đó ông P bị thương tích ngất đi như vậy nhưng các bị cáo không đưa ông P đi khám chữa bệnh là thiếu ý thức. Khám nghiệm tử thi thể hiện ông P bị vỡ hộp sọ chảy rất nhiều máu vì vậy hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo quyết liệt chia làm 2 giai đoạn, đánh tại nhà sau đó đến tận gia đình đòi giết ông P thể hiện hành vi của bị cáo Đ là đuổi cùng giết tận nên các bị cáo phạm tội rất quyết liệt. Vì vậy, luật sư không N3 trí với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà.

+ Quan điểm bảo vệ đối với gia đình bị hại: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn văn B và Nguyễn Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là không thỏa đáng, thiếu căn cứ và chưa đúng tội danh. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ diễn biến sự việc và kết quả giám định pháp y có đủ cơ sở để truy tố xét xử các bị cáo về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự bởi lẽ:

Trong lúc xô xát bị cáo bị cáo Đ dùng tay trái nắm một cái trứng vào má bên phải và dùng tay phải nắm trứng vào phía dưới tai trái ông P. Bị cáo B đi đến chỗ ông P đẩy ông P ra phía bếp Đ thời dùng tay phải nắm vào vùng ngực, dùng tay trái nắm vào đầu ông P và dùng hai tay đẩy vào vùng ngực ông P làm ông P ngã

ngửa ra phía sau đập đầu xuống nền gạch. Như vậy hành vi hành hung ông P của các bị cáo được diễn ra liên tiếp, tấn công vào các vị trí trọng yếu của cơ thể như đầu, ngực, bụng nhằm tước đoạt tính mạng của ông P. Khi thấy ông P nằm bất tỉnh các bị cáo đủ khả năng nhận thức việc ông P bị ngã đập đầu xuống sân gạch có thể gây vỡ, nứt sọ nguy hiểm đến tính mạng nhưng vẫn chủ quan cho rằng ông P say rượu, bỏ mặc không đưa ông P đi cấp cứu mà khiêng ra để bãi cỏ ven đường nhằm trốn tránh trách nhiệm. Khi biết ông P chưa chết và được đưa về nhà bị cáo Đ tiếp tục cầm dao bầu đến nhà ông P nhằm mục đích tước đoạt mạng sống của ông P. Hành vi của các bị cáo thể hiện ý chí thực hiện tội phạm đến cùng, mục đích đuổi cùng giết tận nhằm tước đoạt tính mạng của ông P. Việc Công an huyện HH tách hành vi này ra khỏi vụ án coi đây là hành vi gây rối trật tự công cộng và xử phạt hành chính là không phù hợp với diễn biến hành vi và ý thức của các bị cáo.

Về tố tụng: Khám nghiệm tử thi thể hiện ông P có 01 vết thương rất sâu ở ngực, cấp sơ thẩm chưa làm rõ vết thương trên ngực của ông P bị tấn công bằng vật tày nào, ai là người gây ra vết thương? Cơ quan điều tra đã thu giữ những mảnh bát vỡ trong thùng rác, cần xác định bát vỡ là do nguyên nhân nào, ai làm vỡ, có vết thương nào trên cơ thể ông P bị tác động bởi cái bát không. Cơ quan điều tra có thu chiếc điện thoại của chị M1, trong đó có nội dung đoạn ghi âm đây là chứng cứ quan trọng cần xem trong đoạn ghi âm thời gian 15 phút có tiếng nói của bị cáo B, Đ phản ứng lại ông P hay không, vì vậy yêu cầu giám định bản ghi âm trong điện thoại của chị Nguyễn Thị M1 theo trình tự thủ tục quy định của Luật giám định tư pháp.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội Đ xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ để điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị L N3 trí với ý kiến của luật sư và bổ sung đề nghị Hội Đ xét xử làm rõ cơ chế hình thành vết thương ở ngực bị hại.

Đ4 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tranh luận: Không có cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra*” cho các bị cáo như ý kiến của luật sư bào chữa và không có căn cứ chấp nhận ý kiến tranh luận của luật sư bảo vệ quyền lợi cho gia đình bị hại, đề nghị Hội Đ xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và nói lời sau cùng đề nghị Hội Đ xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hành phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:



[1] Xét kháng cáo của người Đ4 diện hợp pháp của bị hại và ý kiến của luật sư.

[1.1] Về tội danh: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/6/2019 tại gia đình ông Nguyễn Trọng Đ4, trong khi bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn B và ông Trần Đăng P đang ngồi ăn cơm, uống rượu đã xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Do bức xúc khi bị ông P chửi bới xúc phạm đến gia đình nên bị cáo Nguyễn Văn Đ có hành vi dùng tay trái nắm vào má bên phải và dùng tay phải nắm vào vùng dưới tai trái của ông P làm phần đầu phía sau bên phải và lưng ông P đập vào tường. Bị cáo B dùng tay phải nắm vào ngực, tay trái nắm vào đầu và dùng hai tay đẩy vào vùng ngực ông P làm ông P ngã ngửa ra phía sau vùng đầu bị đập xuống nền sân gạch. Sau đó các bị cáo khiêng ông P ra để ở vệ đường trước cổng nhà. Hậu quả ngày 19/6/2019 ông P tử vong do chấn thương sọ não.

Luật sư và Đ4 diện hợp pháp của bị hại cho rằng bị cáo Đ đã “đuổi cùng giết tận bị hại” và hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”. Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ đều khai nhận do bức xúc ông P trong lúc say rượu đã chửi bới, xúc phạm đến bố mẹ, ông bà, tổ tiên nên các bị cáo đánh ông P mục đích để cảnh cáo. Các bị cáo thực hiện hành vi bằng tay, hành vi của các bị cáo không thể hiện mức độ tấn công quyết liệt có thể dẫn đến hậu quả chết người. Trước khi xảy ra sự việc giữa ông P và các bị cáo không có mâu thuẫn hay thù oán cá nhân nghiêm trọng khiến các bị cáo có ý thức tước đoạt tính mạng của ông P. Sau khi gây thương tích cho ông P, quan sát thấy ông P không có thương tích hay chảy máu, các bị cáo nghĩ ông P say rượu nên khiêng ông P ra ngoài cổng để ở vệ đường khi ông P tỉnh rượu rồi về không chửi bới trong nhà chứ không phải các bị cáo có ý thức bỏ mặc cho ông P chết. Phù hợp với lời khai của những người làm chứng đều xác định thấy ông P nằm trước cửa quán tạp hóa nhà chị S, anh T4 mọi người đều nghĩ ông P bị say rượu, khi nào tỉnh rượu ông P dậy về nhà. Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận sau khi ông P được người thân đưa về nhà bị cáo có cầm theo con dao bầu đến nhà ông P nhưng mục đích là để mọi người nhìn thấy dao thì sẽ không dám đánh bị cáo. Khi đến nhà ông P, ông P đang nằm ở trên hiên nhà, bị cáo ngồi phía dưới chân ông P nhưng không có hành động gì. Những người làm chứng cũng khai thấy bị cáo Đ có chửi bới nhưng không có hành động gì với ông P. Do đó không có căn cứ để xác định bị cáo Đ có “hành vi đuổi cùng giết tận” ông P như đề nghị của luật sư bảo vệ cho người Đ4 diện hợp pháp của bị hại.

Xét động cơ, mục đích cũng như diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ không có ý thức tước đoạt tính mạng của ông P. Hậu quả ông P chết nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[1.2] Luật sư và Đ4 diện hợp pháp của bị hại đề nghị xem xét cơ chế hình vết thương ở ngực ông P và những mảnh bát vỡ thu tại hiện trường có liên quan đến các vết thương trên cơ thể ông P thì thấy, tại Công văn số 143 ngày 22/7/2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình xác định thương tích của ông P như sau “...01 vết xây xát da, sưng nề bầm máu ở vùng cằm bên trái (vết số 4) do tác động với vật tày cứng gây vỡ xương sọ vùng cằm - thái dương (vật tày cứng ví dụ như nền gạch, bê tông...). Các vết thương còn lại 1, 2, 3, 5, 6 do vật tày dạng đàn hồi tác động, ví dụ như nắm đấm, tay, chân, gậy cao su, dép nhựa...”, kết luận này phù hợp với các vết thương khám ngoài của ông P trong đó có vết thương ở ngực thể hiện “6. Vùng ngực bên trái tương xứng xương sườn 7, 8 có vết sưng nề, bầm máu đo (8x5)cm” như vậy các vết thương trên cơ thể ông P không phải do vật sắc nhọn gây lên và bị cáo B khai nhận đã “dùng tay phải đấm vào ngực ông P” như vậy đủ cơ sở kết luận bị cáo B đấm ông P và gây lên vết thương ở ngực do đó việc xác định nguyên nhân dẫn đến vỡ bát và vết thương trên cơ thể ông P bị tác động bởi cái bát là không cần thiết.

[1.3] Về nội dung ghi âm trong điện thoại của chị Nguyễn Thị M1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ tại phiên tòa vì vậy việc giám định theo trình tự của Luật giám định tư pháp là không cần thiết.

[1.4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, Đ4 diện bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm cho gia đình bị hại 59.000.000 Đ tiền tổn thất về tinh thần, tuy nhiên xét thấy qua tài liệu có trong hồ sơ ông P không phải lao động chính trong gia đình, các con của ông P đều trưởng thành và xây dựng gia đình riêng không phụ thuộc kinh tế ông P do đó không có căn cứ buộc các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần mức cao N3 như ý kiến đề nghị của Luật sư và Đ4 diện gia đình bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ phải liên đới bồi thường cho Đ4 diện hợp pháp của bị hại tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho 06 người Đ4 diện hợp pháp của ông P, mỗi người 15.000.000 Đ tổng 90.000.000 Đ là phù hợp pháp luật.

[1.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội Đ xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo về tội danh, trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn B cũng như kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại của người Đ4 diện hợp pháp cho bị hại.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất mát đau thương cho gia đình bị hại, làm mất trật tự trị an tại địa phương do đó cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ, nguyên nhân, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét đến nhân thân và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại cũng có một phần lỗi để xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo 07 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội Đ xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp N3 của khung hình phạt. Xét thấy, trước khi xảy ra sự việc giữa các bị cáo và ông P không có mâu thuẫn. Ngày 17 và 18 tháng 6 năm 2019 ông P đến chửi bới gia đình ông Đ4 là do bức tức vì bà Phương (vợ ông Đ4) nghi ngờ ông P lấy trộm xe đạp của bà Phương. Ông P chỉ có hành vi chửi bới, không đánh đập, hành hung hay đập phá tài sản, hành vi của ông P chưa nghiêm trọng đến mức khiến các bị cáo bị kích động về tinh thần nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Luật sư và yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Người Đ4 diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự: Trước khi xét xử phúc thẩm, gia đình các bị cáo đã nộp đủ tiền bồi thường cho gia đình bị hại, nên các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ và kháng cáo của người Đ4 diện hợp pháp của bị hại - chị Trần Thị L. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 70/2020/HSST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thái Bình về tội danh, hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B 07 năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2019.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 07 năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2019.

3. Về trách dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 591 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Xây, anh Trần Đăng Điều, chị Trần Thị Thảo (Liều), chị Trần Thị Loan, chị Trần Thị Luyến và chị Trần Thị L các khoản chi phí chữa thương tích, tiền mai táng phí cho ông Trần Đăng P và tiền công chăm sóc ông P trong thời gian nằm viện và tiền bồi thường tổn thất tinh thần với tổng số tiền là **130.812.300 Đ**. Gia đình các bị cáo đã nộp bồi thường thay cho các bị cáo toàn bộ số tiền nêu trên, trong đó Đ4 diện bị hại đã nhận số tiền 70.000.000 Đ, gia đình các bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HH số tiền 50.000.000 Đ theo các biên lai thu số 0005838 và 0005839 cùng ngày 14/7/2020 và số tiền 10.812.300 Đ theo các biên lai thu số 0005865 và 0005866 cùng ngày 23/11/2020 (do chị Nguyễn Thị M1 nộp thay).

4. Về án phí: Áp dụng điểm g khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 Đ án phí hình sự phúc thẩm.

Chị Trần Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 25/11/2020./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- TA - VKSND h. HH;
- Chi cục THADS h. HH;
- Bị cáo;
- Đ4 diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI Đ XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Phương Thảo**

- Lru HCTP.